

Bản án số: 556/2018/HNGĐ-ST

Ngày : 19 – 11 – 2018

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Yến Anh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lý Khắc Chung;

2. Ông Huỳnh Văn Hùng

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Thái D Thùy Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện

C.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Công Ninh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 453/2018/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2018 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 236/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm 1986. Địa chỉ cư trú: Tổ 4, ấp Bình Tây 2, xã Bình Thạnh Đông, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang. (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Thiệu Quang Thanh H, sinh năm 1983. Địa chỉ cư trú: Số 680/27, ấp Vĩnh Quới, xã Vĩnh Thạnh Trung, huyện C, tỉnh An Giang (Vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 8 năm 2018, nguyên đơn chị D trình bày như sau: Năm 2004, chị D và anh H chung sống với nhau nhưng chưa đăng ký kết hôn, chung sống được 01 năm thì ly thân cho đến nay được 13 năm. Nay chị D yêu cầu được ly hôn với anh H. Thời gian chung sống có 01 con chung tên Thiệu Thị Kim P, sinh ngày 09/10/2005, hiện con chung đang do chị D trực tiếp nuôi. Khi ly hôn, chị D yêu cầu tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng cho con. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không có.

- Trong thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án, anh H trình bày ý kiến: Thống nhất thời gian chung sống, vợ chồng chưa đăng ký kết hôn. Thời gian chung sống có 01 con chung tên Thiệu Thị Kim P, sinh ngày 09/10/2005, thực tế sống ly thân đã lâu. Anh H đồng ý ly hôn với chị D, đồng ý để chị D tiếp tục nuôi con chung. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không có;

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn chị D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn; chị D yêu cầu tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng cho con. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không có;

- Bị đơn anh H: Có đơn xin vắng mặt;

\* *Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

- Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Chị D và anh H chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2004 nhưng không đăng ký kết hôn là không đúng quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng; vợ chồng ly thân đã lâu, tình cảm không còn nên đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị D với anh H. Thời gian chung sống, vợ chồng có 01 con chung tên Thiều Thị Kim P, sinh ngày 09/10/2005; con đang được chị D trực tiếp nuôi. Anh H đồng ý để chị D trực tiếp nuôi con, không tranh chấp về việc nuôi con. Đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung cho chị D trực tiếp nuôi, chị D không có yêu cầu cấp dưỡng cho con nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết vụ án đúng theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Tòa án nhân dân huyện C thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Bị đơn anh H có đơn xin vắng mặt. Hội đồng xét xử, căn cứ vào khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị D và ông H đều thống nhất thời gian chung sống từ năm 2004 nhưng đến nay chưa đăng ký kết hôn. Chị D và anh H có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng chưa đăng ký kết hôn là không đúng quy định tại khoản 5 Điều 3, khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân & gia đình năm 2014 nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Đồng thời, chị D và anh H đều thống nhất ly hôn, xác định không còn tình cảm nên không thể tiếp tục chung sống, thời gian ly thân đã lâu. Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53

của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Thùy D với anh Thiệu Quang Thanh H.

- Về quan hệ con chung: Thời gian chung sống, chị D và anh H thống nhất có 01 con chung tên Thiệu Thị Kim P, sinh ngày 09/10/2005, hiện đang con chung do chị D trực tiếp nuôi. Trong thời hạn chuẩn bị xét xử, cháu Kim P có nguyện vọng được sống với chị D. Anh H thống nhất chị D trực tiếp nuôi con chung nên Hội đồng xét xử giao con chung cho chị D trực tiếp nuôi. Về cấp dưỡng cho con, chị D không yêu cầu nên không xem xét. Chị D cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh H thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không có.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chị D pH chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: TU/2016/0010109 ngày 30 tháng 8 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 246; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 5 Điều 3; Khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53; Khoản 1, khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình 2014.

- Căn cứ Điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Thùy D anh ông Thiệu Quang Thanh H.

- Về quan hệ con chung:

+ Chị Nguyễn Thị Thùy D trực tiếp nuôi con chung tên Thiệu Thị Kim P, sinh ngày 09/10/2005.

+ Về cấp dưỡng cho con chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

+ Chị Nguyễn Thị Thùy D cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh H thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không có.

- Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy D pH chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí

đã nộp theo biên lai thu số: TU/2016/0010109 ngày 30 tháng 8 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

- Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- VKSND.HCP;
- THA HCP;
- Đương sự (Để thi hành);
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Yến Anh**

